

Số: 69/2019/KDTM - PT

Ngày: 02/7/2019

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Thẩm phán: Bà Ngô Tuyết Băng

Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Việt Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thu Trang
- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 32/2018/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 02 năm 2018 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2018/KDTM-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 87/2019/QĐ - PT ngày 09 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 113 ngày 26/4/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 157 ngày 20/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 202 ngày 13/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH A (viết tắt là X).

Địa chỉ trụ sở: Số 22, phố B, phường C, quận H, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Đ - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP X

Địa chỉ trụ sở: 89 Đường M, quận N, Hà Nội

Ủy quyền cho bà Trần Thị T và bà Phạm Thị H- Cán bộ xử lý nợ - theo văn bản ủy quyền số 3085/2018/UQ-VPB ngày 02/11/2018 (bà H có mặt; bà T vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH thương mại Q

Địa chỉ: Đường X, xã T, huyện R, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Sỹ Q - Giám đốc công ty (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dương Xuân V, sinh năm 1955 (vắng mặt)
2. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1955 (vắng mặt)
3. Chị Dương Thị Phương N, sinh năm 1980 (vắng mặt)
4. Cháu Trần Anh M, sinh năm 1999 (vắng mặt)
5. Cháu Trần Tiến Đ, sinh năm 2002 (vắng mặt)
(Cháu M, cháu Đ là con của chị N)
6. Anh Dương Viết P, sinh năm 1986 (có vắng)
7. Chị Bùi Thị T, sinh năm 1996 (vắng mặt)
8. Cháu Dương Xuân K, sinh năm 2014 (vắng mặt)
9. Cháu Dương Thanh T, sinh năm 2017 (vắng mặt)
(Cháu K, cháu T là con của anh P, chị T)
10. Anh Dương Phương N, sinh năm 1977 (vắng mặt)
11. Chị Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1977 (vắng mặt)
12. Cháu Dương Xuân T, sinh năm 2006 (vắng mặt)
13. Cháu Dương Diệu L, sinh năm 2008 (vắng mặt)
14. Cháu Dương Khánh Y, sinh năm 2011 (vắng mặt)
15. Anh Nguyễn Sỹ Q (vắng mặt)
(Cháu T, cháu L, cháu Y là con của anh N và chị M)

Cùng trú tại: Số nhà 32, ngõ 150, đường C, Làng K, Xã T, Huyện R, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V, bà U, anh P, anh N, chị T, chị M: Ông Hoàng Văn S - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH M, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Dương Xuân V; Bà Nguyễn Thị U; Chị Nguyễn Thị Kim M; Anh Dương Phương N; Anh Dương Viết P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Công ty TNHH A (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) do ông Đinh Thanh G làm đại diện trình bày:

Ngày 16/06/2014, Ngân hàng TMCP X ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 130614-448476-01-SME với Công ty TNHH thương mại Q (gọi tắt là bị đơn) và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 31/03/2015. Theo đó, nguyên đơn cho bị đơn vay vốn để kinh doanh với số tiền là 3.499.352.598đ để bổ sung vốn lưu động kinh doanh bánh kẹo, mỹ phẩm, nước lavie, thực phẩm các loại. Việc vay tài sản thế hiện tại 7 khế ước nhận nợ sau:

Khế ước nhận nợ số 160614-448476-01-SME ngày 16/6/2014 và Phụ lục khế ước nhận nợ số 01/PLHĐ ngày 31/03/2015 với Số tiền nhận nợ: 600.000.000 đồng. Thời hạn vay: 06 tháng; Khế ước này đã được gia hạn số tiền nợ gốc: 450.897.818 đồng đến ngày 16/06/2015.

Khế ước nhận nợ số 230914-448476-01-SME ngày 23/9/2014 và Phụ lục khế ước nhận nợ số 01/PLHĐ. Số tiền nhận nợ: 1.356.352.598 đồng Thời hạn vay: 06 tháng. Khế ước này đã được gia hạn số tiền nợ gốc: 1.356.352.598 đồng đến ngày 23/3/2016.

Khế ước nhận nợ số 240914-448476-01-SME ngày 24/9/2014 và Phụ lục khế ước nhận nợ số 01/PLHĐ. Số tiền nhận nợ: 377.000.000 đồng. Thời hạn vay: 06 tháng. Khế ước này đã được gia hạn số tiền nợ gốc: 377.000.000 đồng đến ngày 24/9/2015.

Khế ước nhận nợ số 221014-448476-01-SME ngày 22/10/2014 và Phụ lục khế ước nhận nợ số 01/PLHĐ. Số tiền nhận nợ: 326.600.000 đồng. Thời hạn vay: 06 tháng. Khế ước này đã được gia hạn số tiền nợ gốc: 326.600.000 đồng đến ngày 22/4/2016.

Khế ước nhận nợ số 231014-448476-01-SME ngày 23/10/2014 và Phụ lục khế ước nhận nợ số 01/PLHĐ. Số tiền nhận nợ: 320.000.000 đồng. Thời hạn vay: 06 tháng. Khế ước này đã được gia hạn số tiền nợ gốc: 320.000.000 đồng đến ngày 23/4/2016.

Khế ước nhận nợ số 241014-448476-01-SME ngày 24/10/2014 và Phụ lục khế ước nhận nợ số 01/PLHĐ. Số tiền nhận nợ: 315.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng. Khế ước này đã được gia hạn số tiền nợ gốc: 315.000.000 đồng đến ngày 24/04/2016.

Khế ước nhận nợ số 271014-448476-01-SME ngày 27/10/2014. Số tiền nhận nợ: 205.000.000 đồng. Thời hạn vay: 06 tháng.

Các khế ước nhận nợ đều thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn: 10,35%/năm; điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh, cộng (+) biên độ 3,25%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn, phạt chậm trả lãi: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tính trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả, bắt đầu tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ lãi quá hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Ông Dương Xuân V và vợ là Nguyễn Thị U đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 14 tại: thôn Làng K, xã Xã T, huyện T, thành phố Hà Nội và bị đơn thế chấp 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA K3000S, Biển kiểm soát: 29C - 14xxx, Đăng ký xe ô tô số: 041723 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 19/03/2012 cho bị đơn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP X nên toàn bộ khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức và các khế ước nhận nợ kèm theo.

Ngày 27/4/2017, Ngân hàng TMCP X đã bán khoản nợ của bị đơn cho Công ty TNHH A (gọi tắt là nguyên đơn) theo Hợp đồng mua, bán nợ số 592/2017/MBN.X2-NHA. Theo đó, Ngân hàng TMCP X đã chuyển giao quyền yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản nợ cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản tiền phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 130614-448476-01- SME ngày 16/06/2014 và các Khế ước nhận nợ kèm theo, tạm tính đến ngày 18/7/2018: Nợ gốc: 3.350.850.416đ; Nợ lãi trong hạn 52.447.623đ và lãi quá hạn 1.561.508.028đ, tổng cộng: 4.964.806.067đ. Buộc bị đơn phải tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hạn mức số 130614-448476-01- SME ngày 16/06/2014 và các Khế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi bị đơn thực tế thanh toán hết các khoản nợ cho nguyên đơn.

Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ số tiền trên, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 143, tờ bản đồ số 14, tại thôn Làng K, xã Xã T, huyện T, thành phố Hà Nội, đã được UBND huyện T, thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ” số: AI 943984 ngày 14/08/2007 và 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA K3000S, Biển kiểm soát: 29C-14xxx, Đăng ký xe ô tô số: 041723 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 19/03/2012 đứng tên bị đơn để thu hồi nợ.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chị Dương Thị Phương N và Anh Nguyễn Sỹ Q, Cháu Trần Anh M đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng đều không đến tòa làm việc, không khai báo gì, không giao nộp tài liệu chứng cứ, đã cản trở không cho Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp.

Người có quyền lợi Ông Dương Xuân V, Bà Nguyễn Thị U thống nhất trình bày: ông bà là bố mẹ vợ của Anh Nguyễn Sỹ Q - Giám đốc của Công ty TNHH thương mại Q. Ông bà không biết bị đơn thực hiện việc kinh doanh thế nào và vay vốn của Ngân hàng bao nhiêu. Tuy nhiên, ông bà xác nhận đã thế chấp thửa đất số 143, tờ bản đồ số 14 tại thôn Làng K, Xã T, Huyện R, Hà Nội để bảo đảm cho các khoản vay của bị đơn. Vì là con rể nên ông bà rất tin tưởng và muốn anh Q có cơ hội làm ăn nên đã ký thế chấp tài sản để anh Q được vay vốn của ngân hàng. Vì ông bà

nghe, ông bà là chủ sở hữu thửa đất nên ông bà không bàn bạc với con cái trong gia đình, chỉ có ông bà và vợ chồng anh Q biết việc này.

Nguồn gốc thửa đất ông bà thế chấp là của các cụ để lại cho ông bà. Ông bà đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Dương Xuân V và Bà Nguyễn Thị U. Trên thửa đất này có ông bà cùng vợ chồng Anh Dương Viết P xây dựng 01 căn nhà 3 tầng bê tông cốt thép, diện tích 50m², vợ chồng Anh Dương Phương N xây dựng một ngôi nhà 02 tầng, diện tích 79m², Chị Dương Thị Phương N xây dựng một ngôi nhà cấp 4 diện tích 20m² trên đất. Ông bà chỉ cho các con làm nhà trên đất chứ chưa sang tên sổ đỏ cho các con. Sinh sống trên đất này hiện nay có ông bà, vợ chồng Anh Dương Viết P, Chị Bùi Thị T các con anh chị là Cháu Dương Xuân K, Cháu Dương Thanh T; vợ chồng Anh Dương Phương N, Chị Nguyễn Thị Kim M cùng các con là Cháu Dương Xuân T, Cháu Dương Diệu L, Cháu Dương Khánh Y; Chị Dương Thị Phương N cùng các con là Cháu Trần Anh M, Cháu Trần Tiến Đ. Hiện nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn yêu cầu thanh toán khoản nợ đã vay, nếu bị đơn không thanh toán được thì phát mại tài sản ông, bà đã thế chấp để thu hồi nợ. Ông bà đề nghị Tòa án tạo điều kiện để ông bà tìm Anh Nguyễn Sỹ Q về làm việc với nguyên đơn giải quyết dứt điểm vụ việc. Ngoài đề nghị nguyên đơn xem xét hiện nay trên nhà đất ông bà đã thế chấp gia đình ông bà có rất nhiều người sinh sống, bản thân ông bà đã già, các cháu còn quá bé, ngoài chỗ ở trên, ông bà không còn nhà đất, chỗ ở nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Anh Dương Phương N, Chị Nguyễn Thị Kim M, anh Dương Xuân P, Chị Bùi Thị T thống nhất trình bày: Các anh chị là anh, chị, em vợ của Ông Nguyễn Sỹ Q - Giám đốc của Công ty TNHH thương mại Q. Các anh chị không biết việc bố mẹ của mình là Ông Dương Xuân V và Bà Nguyễn Thị U đứng ra thế chấp thửa đất nêu trên mà toàn bộ gia đình đang ở để bảo đảm cho các khoản vay của bị đơn. Chỉ đến khi Tòa án triệu tập thì các anh chị mới biết. Nguồn gốc thửa đất và hiện trạng các ngôi nhà trên đất, số người sinh sống trên đất như ông V, bà U trình bày là đúng, việc xây nhà trên đất này là hoàn toàn bằng tiền của vợ chồng anh N. Khi vợ chồng anh N xây dựng nhà thì bố mẹ các anh chị có hứa cho vợ chồng anh N toàn bộ diện tích đất mà anh chị đã xây nhà. Tuy nhiên, lúc đó vợ chồng anh N không có điều kiện nên chưa thể làm thủ tục sang tên sổ đỏ được. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ đã vay của Ngân hàng TMCP X, nếu bị đơn không thanh toán được thì đề nghị phát mại đối với tài sản mà ông V và bà U đã thế chấp để thu hồi nợ. Anh chị đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình các anh chị.

Bản án số 14/2018/KDTM-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A.

- Xác nhận đến ngày 18/7/2018 Công ty TNHH thương mại Q còn nợ đối với Công ty TNHH A số tiền Nợ gốc: 3.350.850.416đ; Nợ lãi trong hạn 52.447.623đ và lãi quá hạn 1.561.508.028đ. Tổng cộng: 4.964.806.067đ.

- Buộc Công ty TNHH thương mại Q phải trả cho Công ty TNHH A số tiền tính đến ngày 18/7/2018: Nợ gốc: 3.350.850.416đ; Nợ lãi trong hạn 52.447.623đ và lãi quá hạn 1.561.508.028đ. Tổng cộng: 4.964.806.067đ.

- Kể từ ngày 19/7/2018, Công ty TNHH thương mại Q phải tiếp tục chịu lãi suất theo các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ được ký kết giữa NHA và Công ty Q.

- Trường hợp Công ty TNHH thương mại Q không thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền trên, Công ty TNHH A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và mọi tài sản trên đất thuộc thửa số 143, tờ bản đồ số 14 tại thôn Làng K, Xã T, Huyện R, Hà Nội đó được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 943984 ngày 14/8/2007 mang tên Dương Xuân V, Nguyễn Thị U và xe ô tô nhãn hiệu KIA K3000S, Biển kiểm soát: 29C-14xxx, Đăng ký số: 041723 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 19/03/2012 đứng tên Công ty TNHH thương mại Q để thu hồi nợ.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về lãi suất thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/8/2018, các ông, bà Dương Xuân V; Nguyễn Thị U; Nguyễn Thị Kim M; Dương Phương N; Dương Viết P kháng cáo toàn bộ bản án nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông V, bà U, chị M, anh N có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Anh Dương Viết P thay đổi nội dung kháng cáo, chỉ kháng cáo về phần xử lý tài sản thế chấp là nhà đất của ông V, bà U liên quan đến quyền lợi của anh và gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa có quan điểm về vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vụ án còn quá thời hạn luật định cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng qui định của pháp luật vì vậy kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông, bà: V, U, M, N, P không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Dương Xuân V; Nguyễn Thị U; Nguyễn Thị Kim M; Dương Phương N; Dương Viết P nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ. Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là Ông Dương Xuân V; Bà Nguyễn Thị U; Chị Nguyễn Thị Kim M; Anh Dương Phương N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2, có Đơn xin xét xử vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích của các ông bà Dương Xuân V, Nguyễn Thị U, Nguyễn Thị Kim M, Dương Phương N và Dương Viết P đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp với qui định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Dương Xuân V; Nguyễn Thị U; Nguyễn Thị Kim M; Dương Phương N đối với toàn bộ bản án và của Anh Dương Viết P đối với một phần bản án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xét Hợp đồng tín dụng hạn mức số 130614-448476-01-SME ngày 16/06/2014: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 130614-448476-01-SME ngày 16/06/2014 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 31/03/2015, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP X và Công ty TNHH thương mại Q là hoàn toàn tự nguyện, do các cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ tư cách đại diện tham gia ký kết.

Ngân hàng TMCP X đã giải ngân cho bị đơn tổng số tiền là 3.499.352.598 đ theo 7 Giấy nhận nợ số 160614-448476-01-SME ngày 16/06/2014; 230914-448476-01-SME ngày 23/09/2014; 240914-448476-01-SME ngày 24/09/2014; 221014-448476-01-SME ngày 22/10/2014; 231014-448476-01-SME ngày 23/10/2014; 231014-448476-01-SME ngày 23/10/2014; 241014-448476-01-SME ngày 24/10/2014 và các phụ lục kèm theo. Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Sau khi được vay vốn, bị đơn đã trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền gốc là 149.102.182đ. Ngoài ra, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiếp, không thực hiện đúng các cam kết của Hợp đồng tín dụng về thời hạn thanh toán, Ngân hàng TMCP X đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản nợ nhưng bị đơn không thực hiện được.

Ngày 27/04/2017, Ngân hàng TMCP X đã bán toàn bộ khoản nợ của bị đơn cho X (gọi tắt là nguyên đơn) theo Hợp đồng mua, bán nợ số 592/2017/MBN.X2-NHA. Theo hợp đồng mua bán nợ nguyên đơn kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP X.

Ngày 10/10/2017, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 18/7/2018 là: Nợ gốc: 3.350.850.416đ; Nợ lãi

trong hạn 52.447.623đ và nợ lãi quá hạn 1.561.508.028đ. Tổng cộng: 4.964.806.067đ là có căn cứ. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán nợ gốc, nợ lãi cho nguyên đơn như trên là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật.

[2.2]. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số 4340 10 quyền số 2/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2010 và phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 01/10/2010; phụ lục số 02 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 10/4/2012 - sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4340 ngày 20/5/2010 thì thấy: Hợp đồng thế chấp và các phụ lục hợp đồng thế chấp được ký kết giữa bên thế chấp là Ông Dương Xuân V, Bà Nguyễn Thị U; bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP X – chi nhánh A và bên vay Công ty TNHH thương mại Q. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 143, tờ bản đồ số 14 tại thôn Làng K, Xã T, Huyện R, Hà Nội đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 943984 ngày 14/8/2007 mang tên Ông Dương Xuân V và Bà Nguyễn Thị U để bảo đảm cho Công ty TNHH thương mại Q vay số tiền 3.499.352.598đ tại Ngân hàng TMCP X. Bị đơn đã trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền gốc là 149.102.182đ, còn lại là 3.350.850.416đ. Việc ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, do các cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tham gia giao dịch, được ký tại Phòng Công chứng số1- thành phố Hà Nội và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Ông V, bà U xác nhận việc thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, tài sản thế chấp là tài sản hợp pháp mang tên ông bà, tại thời điểm thế chấp chưa được dùng làm vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ ở bất cứ tổ chức, cá nhân nào khác, tài sản không có tranh chấp nào về quyền sở hữu và sử dụng.

Tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, chị N, vợ chồng anh N và anh P cho rằng nhà anh chị xây trên thửa đất thế chấp là do anh chị xây dựng trước khi thế chấp và phần đất anh chị xây nhà đó được ông V, bà U cho nhưng anh chị chưa tiến hành làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, việc cho bằng miệng. Tại cấp phúc thẩm, các anh chị cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc tặng cho là hợp pháp theo qui định của pháp luật và cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ chứng minh anh chị xây dựng nhà trên đất thế chấp, do vậy, không có cơ sở để xem xét đây là tài sản của các anh chị. Nên cũng không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Như vậy có đủ căn cứ xác định, hợp đồng thế chấp có hiệu lực đối với các bên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp nếu bị đơn không trả nợ hoặc không trả đủ nợ là có căn cứ.

- **Xét hợp đồng thế chấp xe ô tô của Công ty Q:** Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 1206700023 ngày 22/3/2012 và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản ngày 26/3/2012, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP X – chi nhánh A và bên vay Công ty TNHH thương mại Q, theo đó Công ty Q thế chấp 1 xe ô tô tải Kia K3000S mang BKS 29C- 14xxx cho ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 130614-448476-01-SME ngày 16/ 6/2014 nêu trên. Việc ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, do các cá nhân có đầy đủ năng lực hành

vi dân sự tham gia giao dịch, tài sản thế chấp là tài sản hợp pháp của Công ty Q. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp là chiếc ô tô nêu trên nếu bị đơn không trả nợ hoặc không trả đủ nợ là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn có sai sót cần rút kinh nghiệm:

+ Tại cấp sơ thẩm, X rút yêu cầu buộc Công ty Q phải trả 398.137.612đ tiền phạt chậm trả lãi, cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này mà nhận định không xem xét vì đương sự rút yêu cầu là chưa chính xác.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ông Dương Xuân V, và Bà Nguyễn Thị U thì cấp sơ thẩm nhận định và quyết định mang tên Ông Dương Xuân V và bà “Nguyễn Thị U” là chưa chính xác.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp; do sửa án sơ thẩm nên những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên; Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14 ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T về cách tuyên. Cụ thể:

Áp dụng các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 318, 319, 323, 342, 355, 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ - CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông, bà: Dương Xuân V; Nguyễn Thị U; Nguyễn Thị Kim M; Dương Phương N và Dương Việt P.

2. Đình chỉ yêu cầu phạt chậm trả lãi: 398.137.612đ của Công ty TNHH A với Công ty TNHH thương mại Q.

3. Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH A với Công ty TNHH thương mại Q. Buộc Công ty TNHH thương mại Q phải thanh toán trả cho Công ty TNHH A tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 18/7/2018 là: 4.964.806.067đ. Trong đó: Nợ gốc: 3.350.850.416đ; Nợ lãi trong hạn 52.447.623đ và lãi quá hạn 1.561.508.028đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH thương mại Q còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng được ký giữa các bên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

4. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH thương mại Q chưa trả số nợ nói trên thì Công ty TNHH A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 143, tờ bản đồ số 14 tại thôn Làng K, Xã T, Huyện R, Hà Nội đó được

UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 943984 ngày 14/8/2007 mang tên Dương Xuân V, Nguyễn Thị U và xe ô tô nhãn hiệu KIA K3000S, Biển kiểm soát: 29C-14xxx, Đăng ký số: 041723 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 19/03/2012 đứng tên Công ty TNHH thương mại Q để thu hồi nợ.

5. Về án phí: Công ty TNHH thương mại Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.964.000đ, X được hoàn lại 56.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 8575 ngày 02/11/2017 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội. Các ông bà: Dương Xuân V; Nguyễn Thị U; Nguyễn Thị Kim M; Dương Phương N; Dương Viết P có kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm do sửa án sơ thẩm. Hoàn trả các ông bà : Dương Xuân V; Nguyễn Thị U; Nguyễn Thị Kim M; Dương Phương N và Dương Viết P mỗi người 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 8190 ; 8186 ; 8187 ; 8188 ; 8189 ngày 29/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 02/7/2019.

Nơi nhận:

- TAND huyện T;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy

